| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TIÊN LÃNG**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 30-9-2024<br>V/v Ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Hữu Bình;

Ông Vũ Đức Bình.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Trương Thị Thuý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13/9/2024), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Anh, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị H) trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Anh tự nguyện kết hôn với tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Tiên Lãng từ ngày 16 tháng 12 năm 2019. Anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; một phần do anh Phạm Văn A ham chơi, không quan tâm tới gia đình dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều

lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn A. A chị không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn (anh Phạm Văn A) hợp lệ; yêu cầu bị đơn giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; cũng như triệu tập bị đơn đến làm việc với Toà án về các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án nhiều lần nhưng bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Toà án.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện. Chị H và anh Anh có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Hưng theo quy định pháp luật. Anh chị chung sống hoà thuận với nhau một thời gian ngắn thì mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2020, do mâu thuẫn chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Thanh Hoá sinh sống, từ đó đến nay anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Anh chị không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Xử cho chị H được ly hôn anh Phạm Văn Anh. Anh chị không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn A; anh A có nơi cư trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn (chị H) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh A) vắng mặt tại phiên toà làn thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh A.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với kết quả xác minh tại tại gia đình, địa phương và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, sự phù hợp đó thể hiện: Chị H và anh tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Hưng từ ngày 16 tháng 12 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống, anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa chị H và anh A đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của chị H, anh Anh đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ky hôn anh A.

[4] Về con chung: Đương sự xác nhận không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự xác nhận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn A.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009055 ngày 28 tháng 6 năm 2024. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng (Để thi hành);
- UBND xã Đông Hưng, huyện Tiên Lãng (ĐKKH số 70/2019);
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Huyền Trang**